

Quyết định số: 73/2024/HS-GĐT
Ngày 17 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 10/11 thành viên Ủy ban Thẩm phán tham gia xét xử, do ông Bùi Đức Xuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ tọa phiên tòa theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Trần Thị H, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp VD, xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P và bà Dương Thị X; có CH1 là ông Trần Công Đ và 02 người con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/12/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Từ trước năm 2019, Trần Thị H đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị L để chăn nuôi và có trả vốn, lãi theo thỏa thuận. Đến đầu năm 2019, bà L yêu cầu phải có tài sản thế chấp và có giấy xác nhận của chính quyền địa phương khi H cần vay số tiền lớn. Do không có tài sản thế chấp và giấy xác nhận của chính quyền địa phương nên H đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy xác nhận để thế chấp vay tiền của bà L. Thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo, H liên hệ thỏa thuận với những người làm GCNQSDĐ giả có giá là 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/giấy, còn giấy xác nhận giả là 1.000.000 đồng/giấy. Sau đó, H lấy thông tin cá nhân của những người thân trong gia đình, thông tin của chị Lê Thị Kim T (là người đã từng bán đất cho vợ CH1 H), tự đặt ra thông tin của những người không có thật (Dương Văn Phương, Dương Văn Đức, Trần Thị Nhung) và các thông tin thừa đất không có thật rồi cung cấp cho người làm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Đồng thời, H lấy thông tin và chụp ảnh

hình dấu tròn của UBND xã VT, chữ ký ghi tên “NGUYỄN THANH HẢI” là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã VT và chứng thực trên tờ giấy cam kết ghi tên Lê Thị Kim T để cung cấp cho người làm các giấy xác nhận giả của Ủy ban nhân dân xã VT. Sau khi có được tài liệu giả, H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho bà L để thỏa thuận thế chấp vay tiền. Khi thông nhất được số tiền vay, H sử dụng các giấy xác nhận giả tự viết thông tin có nội dung H hoặc ông Trần Công Đ (là CH1 H) vay tiền của bà L, hoặc tự viết thông tin không có thật về nội dung người khác có vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H, rồi đưa cho bà L để thỏa thuận thế chấp vay tiền.

Với phương thức và thủ đoạn nêu trên, từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2021, H đã cung cấp thông tin làm 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 18 giấy xác nhận giả của Ủy ban nhân dân xã VT, rồi sử dụng 15 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật tên Trần Công Lượm E (không phải do H làm chủ sở hữu) và 18 giấy xác nhận để thỏa thuận thế chấp vay tiền của bà Nguyễn Thị L 20 lần với tổng số tiền là 10.150.000.000 đồng; đồng thời, sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thỏa thuận thế chấp vay tiền của bà Nguyễn Thị P1 03 lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Đến ngày 27/5/2021, 28/5/2021 và 01/6/2021, bà L và bà P1 đem các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Trần Thị H thế chấp vay tiền đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện DB, tỉnh Bến Tre kiểm tra thì phát hiện có dấu hiệu là giả. Bà L và bà P1 làm đơn tố giác đối với H và giao nộp 18 giấy xác nhận.

- Kết luận giám định số 326/2021/GĐTL ngày 22/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận giám định với nội dung: về 17 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Trần Công Lượm E là thật, 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại là giả. Đối với 18 giấy xác nhận do bà L giao nộp thì hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D xã VT H. DB T. Bến Tre” và chữ ký mang tên “Nguyễn Thanh Hải” là giả.

- Kết luận giám định số 444/KL-C09B ngày 23/02/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định về nội dung phục hồi, trích xuất dữ liệu tin nhắn, nhật ký cuộc gọi lưu trong 02 điện thoại của Trần Thị H giao nộp; phục hồi, trích xuất dữ liệu tin nhắn trên tài khoản Facebook, Zalo của tài khoản “*Thảo Vy*” được đăng ký bằng số thuê bao 035891406 trên điện thoại của Trần Thị H giao nộp. Tại biên bản làm việc với Trần Thị H vào ngày 25/4/2022 về việc kiểm tra thiết bị lưu trữ kèm Kết luận giám định này xác định không trích xuất được thông tin nào liên quan đến hành vi phạm tội của H.

- Kết luận giám định số 176/2022/KL-KTHS ngày 27/5/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận giám định đối với 18 giấy xác nhận do bà Nguyễn Thị L giao nộp ngày 02/6/2021, nội dung: Các chữ viết trên các tài liệu này đều là chữ viết của H, trừ chữ viết ghi nội dung “*Nguyễn Thị L*”, “*Nguyễn Thị H1*” và trừ chữ viết có nội dung “*500.000.000 Năm trăm triệu đồng*” trên tờ “*Giấy thỏa thuận vay tiền*” đề ngày 20 tháng 4 (sau) âm lịch năm 2020.

- Kết luận giám định số 311/2022/KL-KTHS ngày 12/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận giám định đối với 02 tờ giấy do bà

Nguyễn Thị L giao nộp ngày 17/6/2022, nội dung là: Các chữ viết trên tờ giấy nội dung từ “Đóng lãi tháng 2” đến “một trăm tám mươi triệu” so với chữ viết của H là do cùng một người viết ra; Không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên tờ giấy có nội dung “ngày mùng 10, Tháng 7: 1 tỷ” so với chữ viết của H có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định (tóm tắt):

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thị H 14 (mười bốn) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thị H 03 (ba) năm tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thị H 03 (ba) năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự; tổng hợp hình phạt cả 03 tội buộc bị cáo Trần Thị H phải chấp hành hình phạt chung là 20 (hai mươi) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2021.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 48 Bộ luật hình sự;

Tiếp tục thực hiện một phần Lệnh kê biên tài sản số 03 ngày 08/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre về việc kê biên thửa đất số 289, tờ bản đồ số 8, diện tích 935,9m², địa chỉ xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre theo GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/4/2019, người sử dụng đất là ông Trần Công Đ; Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 8, diện tích 532m², địa chỉ xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre theo GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/4/2019, người sử dụng đất là ông Trần Công Đ; Thửa đất số 491, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.299,9m², địa chỉ xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre theo GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/4/2019, người sử dụng đất là ông Trần Công Đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trần Thị H. Dành quyền khởi kiện cho bà Trần Thị Mỹ H1 đối với số tiền 500.000.000 đồng đã cho Trần Thị H và ông Trần Công Đ vay bằng vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về biện pháp tư pháp đối với tài sản khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 320/QĐ-VC3-V1 ngày 17/11/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị H đối với “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và một phần biện pháp tư pháp về nội dung “*Tiếp tục thực hiện một phần Lệnh kê biên tài sản số 03 ngày 08/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre về việc kê biên 03 Thửa đất số 289, 400, 491 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H*” để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2021, Trần Thị H đã có hành vi cung cấp các thông tin và thuê người làm giả 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 18 giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre. Sau đó, H sử dụng các tài liệu giả này và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của ông Trần Công Lượm E (không do H làm chủ sở hữu) để gian dối thế chấp vay tiền của bà Nguyễn Thị L 20 lần, chiếm đoạt của bà L với tổng số tiền 10.150.000.000 đồng và vay của bà Nguyễn Thị P1 03 lần, chiếm đoạt của bà P1 với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Trần Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Trần Thị H 14 (mười bốn) năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng nghị về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị H đối với “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”:

Trần Thị H đã có hành vi: cung cấp thông tin cho đối tượng không rõ lai lịch trên mạng xã hội Facebook, Zalo để thuê các đối tượng này làm giả tổng cộng 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre và 18 giấy xác nhận giả của Ủy ban nhân dân xã VT, với nội dung những người có tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) đồng ý vay tiền và thế chấp các quyền sử dụng đất cho người cho vay. Sau khi có các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy xác nhận giả, H đem các giấy tờ giả này cũng như sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của ông Trần Công Lượm E (không thuộc quyền sử dụng của bị cáo và giấy xác nhận giả) để thế chấp vay tiền và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L 20 lần tổng cộng số tiền 10.150.000.000 đồng; thế chấp vay tiền và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị P1 03 lần tổng cộng số tiền 600.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo H không trực tiếp làm ra các giấy tờ giả, hành vi của Trần Thị H chỉ cung cấp thông tin và nhờ người khác làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy xác nhận giả của Ủy ban nhân dân xã nhằm mục đích sử dụng các giấy tờ giả này tạo ra sự tin tưởng cho các bị hại cho bị cáo vay, sau đó bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của Trần Thị H chỉ cấu thành 01 tội danh là “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Trần Thị H về 02 tội danh độc lập, xử phạt bị cáo H 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung 06 (sáu) năm tù, là áp dụng không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị nội dung này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh..

[3] Về nội dung kháng nghị đối với biện pháp tư pháp:

Đối với Lệnh kê biên tài sản số 03 ngày 08/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre về việc kê biên thửa đất số 400, tờ bản đồ số 8 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 369498; thửa đất số 289, tờ bản đồ số 8 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 369499 và thửa đất số 491, tờ bản đồ số 8 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR369500 có địa chỉ xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre đều mang tên ông Trần Công Đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H. Xét 03 thửa đất nêu trên là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, hiện vợ chồng Trần Thị H và ông Trần Công Đ đã xây nhà ở trên thửa đất số 491, tờ bản đồ số 8 nên được xem là tài sản chung của vợ chồng Trần Thị H. Ngày 25/4/2019, ông Trần Công Đ đã thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để vay của bà Trần Thị Mỹ H1 số tiền 500.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục kê biên 03 thửa đất nêu trên theo một phần Lệnh kê biên tài sản số 03 ngày 08/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo H trong vụ án hình sự và dành quyền khởi kiện cho bà H1 bằng vụ án dân sự khác đối với số tiền 500.000.000 đồng, là có căn cứ.

Vì vậy, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị “*hủy một phần biện pháp tư pháp về nội dung “Tiếp tục thực hiện một phần Lệnh kê biên tài sản số 03 ngày 08/12/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre về việc kê biên 03 Thửa đất số 289, 400, 491 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H” để xét xử lại*” vì 03 thửa đất nêu trên là tài sản riêng của ông Trần Công Đ, là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391, Điều 395 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2023/HS-ST ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, phần về trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị H đối với “*Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” để xét xử lại.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh
- (Kèm Hồ sơ vụ án);
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND xã VT, huyện DB, tỉnh Bến Tre;
- Người bị kết án (theo địa chỉ);
- Lưu PLTHS, P.GĐKT1, HS, THS (NTP).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân